TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2026/DS-ST Ngày 06-4-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1053/2025/DS-ST ngày 25/12/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T (Việt Nam); trụ sở: Số I, đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Pháp nhân đại diện hợp pháp của Công ty T (Việt Nam): Công ty L2; địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà số G, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là pháp nhân đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025).

Người đại diện hợp pháp của Công ty L2 Niềm Tin: Bà Phan Tuyết L, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: P, tầng D, tòa nhà số G, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thành L1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số A, Tổ C, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) là bà Phan Tuyết L trình bày:

Ngày 10/12/2024, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 6114959 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Phạm Thành L1 với khoản vay trị giá 25.094.100 đồng (Trong đó khoản vay 23.300.000 đồng và bảo hiểm 1.794.100 đồng) với lãi suất vay 50%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Phạm Thành L1. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Phạm Thành L1 có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 30 tháng kể từ ngày bắt đầu thanh toán ngày 10/01/2025 đến ngày 10/6/2027. Sau khi được giải ngân, ông Phạm Thành L1 đã thanh toán được tổng số tiền là 3.096.000 đồng (03 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 0 đồng, tiền lãi đã trả là 3.060.000 đồng và phí thu hộ 36.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 13/3/2025 ông Phạm Thành L1 đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 10/4/2025, Công ty bắt đầu chuyển nợ quá hạn từng kỳ thanh toán mà ông Phạm Thành L1 vi phạm. Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Phạm Thành L1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Phạm Thành L1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T. Do đó, Công ty T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên buộc ông Phạm Thành L1 thanh toán cho Công ty T tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/02/2026 là: 36.096.278 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.094.100 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 10.518.896 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 0 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 483.282 đồng.

Đồng thời buộc ông Phạm Thành L1 phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 10/02/2026 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Phạm Thành L1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Phạm Thành L1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, Thẩm phán, thư ký đã

tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm Thành L1, bị đơn ông L1 có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn ông Phạm Thành L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được Toà án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông L1 cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 6114959 ngày 10/12/2024 giữa Công ty T và ông Phạm Thành L1 thể hiện Công ty T đã cấp tín dụng cho ông L1 là 36.096.278 đồng (trong đó có phí bảo hiểm 1.794.100 đồng) lãi suất 50%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã giải ngân theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho ông L1. Thực hiện hợp đồng, ông Phạm Thành L1 đã thanh toán được 03 kỳ lãi với tổng số tiền là 3.096.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 13/3/2025 đến nay.

Tính đến ngày 06/4/2026, ông Phạm Thành L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Công ty T tổng số tiền là: 38.308.994 đồng. Trong đó: số dư nợ gốc là: 25.094.100 đồng; số tiền lãi trong hạn: 12.547.049 đồng và tiền lãi chậm trả: 667.845 đồng. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu ông L1 phải thanh toán số tiền gốc và lãi như trên là có căn cứ, đúng thỏa thuận tại Mục 3.7 của Hợp đồng tín dụng ngày 10/12/2024, phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiển sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 184, 227, 228, 229, 235, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn ông Phạm Thành L1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Thành L1 phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6114959 ngày 10/12/2024, tính đến ngày 06/4/2026, gồm:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.094.100 đồng;

Số tiền lãi trong hạn: 12.547.049 đồng;

Số tiền lãi chậm trả: 667.845 đồng.

Tổng số tiền là: 38.308.994 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm linh tám ngàn chín trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 07/4/2026, ông Phạm Thành L1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6114959 ngày 10/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phạm Thành L1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.915.450đồng (một triệu chín trăm mười lăm ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 816.000 đồng (tám trăm mười sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0048128 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

TAND KHU VỰC 15

HMQ060426.TL.QDBA 961

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân